

HƯỚNG DẪN HỌC NGOẠI NGỮ 2 Ở ULIS

Sinh viên thuộc CTĐT nào/ khóa nào thì cần tuân thủ yêu cầu về CDR NN2 đối với CTĐT đó.

Sinh viên các khóa trước QH.22 học cùng QH.22 đối chiếu bảng dưới đây để chọn học phần tương đương:

STT	QH.18 về trước	QH.2019 đến QH.2021	Từ QH.2022
1	CS1+ CS2	Tiếng Anh CLC1 (CTĐT CLC)	Tiếng Anh B1
	CS1- CS3	Tiếng Anh B1 (CTĐT Chuẩn)	
2	CS3+ CS4	Tiếng Anh CLC2	Tiếng Anh B2
3	CS1+ CS2	Ngoại ngữ khác tiếng Anh CLC1	NN khác B1
	Cs1-CS3	Ngoại ngữ khác tiếng Anh B1 9 CTĐT Chuẩn)	
4	CS3+ CS4	Ngoại ngữ khác tiếng Anh CLC2	NN khác B2

Ví dụ: Sinh viên QH.2018 cần học tiếng Anh CS1, CS2 thì đăng kí học B1 cùng QH.2022. Sinh viên QH.2019 cần học tiếng Anh CL2 thì đăng kí tiếng Anh B2 cùng Qh.2022

	NỘI DUNG CHÍNH	Mục lục
	Các từ viết tắt Các nguyên tắc chung	
1	1. Chuẩn đầu ra NN2 1.1 Yêu cầu về Chuẩn đầu ra NN2 1.2 Lộ trình học ngoại ngữ 2 - Sv Chuẩn - Sv CLC TT23 - SV CLC VNU (đến hết khóa QH.2018)	
2	2. Bài thi sát hạch đầu khóa học và thông tin học phần 2.1 Bài thi sát hạch 2.2 Thông tin về các học phần trong CTĐT 2.3 Thông tin về các học phần ngoài CTĐT	
3	3. Các trường hợp được miễn học/ miễn thi và việc hoàn trả học phí các HP được miễn 3.1 Các trường hợp được miễn học, miễn thi 3.2 Việc hoàn trả học phí	
4	4. Quy định về việc hậu kiểm các chứng chỉ ngoại ngữ 4.1 Lịch nộp 4.2 Quy trình nộp	
5	5. Đăng kí Lớp học phần NN2 và đăng kí học lại, học cải thiện điểm 5.1 Đăng kí lớp học phần 5.2 Đăng kí học lại, học cải thiện điểm 5.3 Thi lại Chuẩn đầu ra NN2 5.4 Đổi ngoại ngữ 2 5.5 Mã các học phần NN2	
6	Các địa chỉ cần biết	

7	Những câu hỏi thường gặp	
---	--------------------------	--

HƯỚNG DẪN HỌC NGOẠI NGỮ 2 Ở ULIS

**Tổ chức đào tạo các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung trong
Chương trình đào tạo đại học chính quy
ở Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN**

Cập nhật sau 1/5/2022- Áp dụng cho sinh viên từ khóa QH.2021 trở về trước.

Phòng Đào tạo trường Đại học Ngoại ngữ- ĐHQGHN

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học ban hành kèm Quyết định số 5115/QĐ- ĐHQGHN ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (Gọi tắt là Quy chế 5115)

Căn cứ Quyết định số 2078/ QĐ- ĐHQGHN ngày 03 tháng 07 năm 2019 của Giám đốc ĐHQGHN về việc ban hành các môn học thuộc khối kiến thức chung.

Căn cứ Công văn số 4116/ĐHQGHN- ĐT ngày 14 tháng 12 năm 2021 về tiêu chuẩn trình độ ngoại ngữ trong đào tạo bậc đại học của ĐHQGHN.

Căn cứ Hướng dẫn 1139/ HD - ĐHNN ngày 23 tháng 09 năm 2019 của Hiệu trưởng trường ĐHNN- ĐHQGHN về việc tổ chức giảng dạy các học phần ngoại ngữ ở ĐHNN - ĐHQGHN.

Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN ban hành hướng dẫn chi tiết về việc đào tạo các học phần ngoại ngữ 2 như sau:

Các từ viết tắt:

Đại học Ngoại ngữ- ĐHQGHN:	ĐHNN
Ngoại ngữ 2:	NN2
Học phần:	HP
Lớp học phần:	LHP
Chuẩn đầu ra:	CĐR
Chứng chỉ Ngoại ngữ Quốc tế:	CCQT
Tiếng Anh tăng cường:	TATC
Sinh viên Chương trình đào tạo chất lượng cao:	SV CLC
Sinh viên Chương trình đào tạo chuẩn ngôn ngữ, sư phạm:	SV Chuẩn
Sinh viên Chương trình đào tạo Chất lượng cao Thông thư 23:	SV CLC TT23

Nguyên tắc chung:

- Các HP NN2 là HP điều kiện nhưng được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo và được tổ chức đào tạo cho sinh viên của ĐHNN. Sinh viên được đánh giá theo khung năng lực 06 bậc dùng cho Việt Nam. Kết quả đánh giá các HP ngoại ngữ không tính vào điểm trung bình chung học kì, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy những là điều kiện để xét tốt nghiệp.

- Các HP NN2 trong chương trình đào tạo chuẩn các ngành Ngôn ngữ nước ngoài và Sư phạm ngoại ngữ gồm: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Thái, tiếng Lào, tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha. Sinh viên khoa Sư phạm tiếng Anh được chọn NN2 là các thứ tiếng trừ tiếng Anh và ngược lại, sinh viên CTĐT CLC các khoa ngoài Sư phạm tiếng Anh chỉ được chọn NN2 là tiếng Anh.

- Sinh viên bắt buộc đăng kí các HP ngoại ngữ và phải cân nhắc cẩn thận về ngoại ngữ 2 đăng kí. Nhà trường không khuyến khích sinh viên đổi NN2 trong quá trình học.

Những sinh viên đáp ứng các quy định tại mục 3 của Hướng dẫn này được phép miễn thi, miễn học.

- Sinh viên đang học dở các học phần ngoại ngữ trên lớp không được phép bỏ học, dừng học để nộp chứng chỉ phủ điểm. Nếu bỏ học giữa chừng, học phần đó được tính điểm F.
 - Trường hợp sinh viên dùng chứng chỉ cùng ngoại ngữ với học phần đã tích lũy (điểm F) trên portal, sinh viên cần đóng lệ phí học lại (hệ số 1) để hoàn thành thủ tục phủ điểm.
 - Trường hợp sinh viên phủ bằng ngoại ngữ khác so với học phần đã tích lũy, sinh viên phải đóng lệ phí học ngoài CTĐT (hệ số 1,5) tương ứng với số học phần được phủ.
- Đối với các chứng chỉ VSTEP không phải do ĐHNH cấp, sinh viên nộp theo quy định của chứng chỉ Quốc tế

1. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ 2

1.1 Yêu cầu về Chuẩn đầu ra

Các đối tượng sinh viên thuộc các CTĐT khác nhau có yêu cầu về chuẩn đầu ra ngoại ngữ khác nhau. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ được ban hành dựa trên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, nhằm đảm bảo người học đạt được năng lực tiếng phù hợp với thực tiễn công việc sau khi tốt nghiệp.

STT	Sinh viên	Ngoại ngữ 2	
		Tiếng Anh	Các Ngoại ngữ khác
1	CTĐT Chuẩn Ngôn ngữ, Sư phạm	Bậc 3	Bậc 3
2	CTĐT CLC TT23	Bậc 5	Bậc 4
3	CTĐT CLC của VNU (đến hết khóa QH.2018)	Bậc 4	Bậc 4

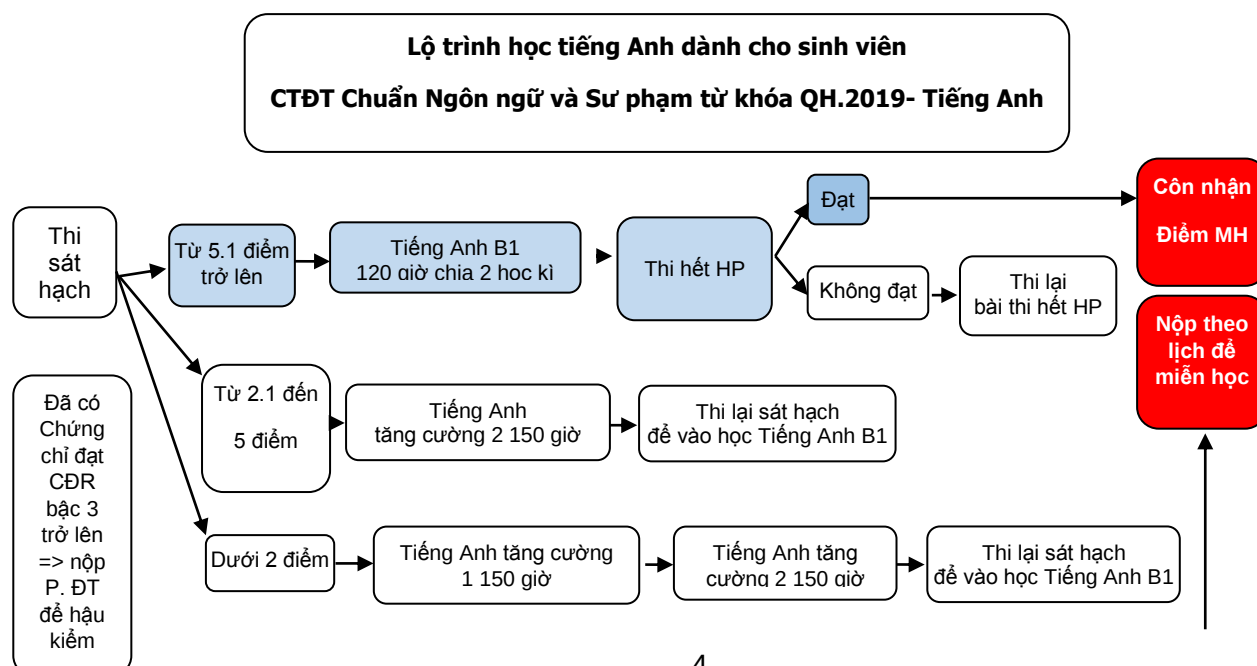
Để hoàn thành các học phần ngoại ngữ 2, sinh viên có các cách sau để hoàn thành Chuẩn đầu ra:

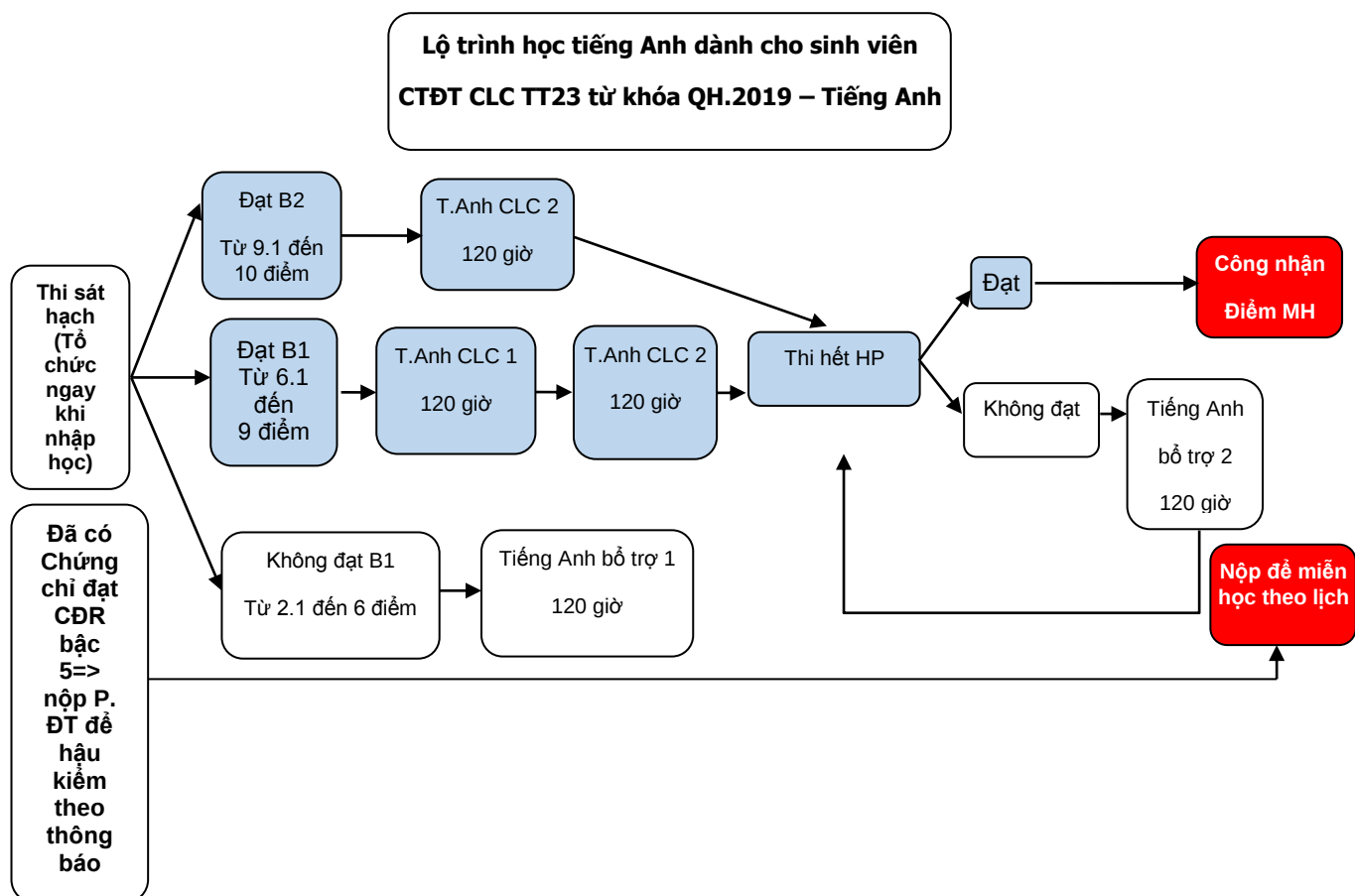
- **Cách 1 (chỉ lấy điểm môn học):** Căn cứ kết quả thi sát hạch, sinh viên học lần lượt các học phần và tham gia thi cuối khóa học. Bài thi cuối khóa là bài thi hết học phần, với mục đích ghi điểm môn học. (Xem mục 1.1.1 để biết lộ trình chi tiết và nội dung các HP). Với CĐR, sinh viên phải tham gia các bài thi độc lập để minh chứng CĐR bằng các chứng chỉ hợp lệ. Hiện nay, TTKT của ĐHNH cho phép sinh viên đăng kí học đủ các học phần ngoại ngữ lần lượt theo lộ trình được tham dự kì thi xét CĐR miễn phí thi lần 1.

- **Cách 2 (lấy được cả điểm môn học và CĐR) :** Sinh viên nộp các chứng chỉ ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu CĐR để được miễn các học phần ngoại ngữ. (*Quy định về chứng chỉ ngoại ngữ xem chi tiết tại mục 3.1 của Hướng dẫn này*)

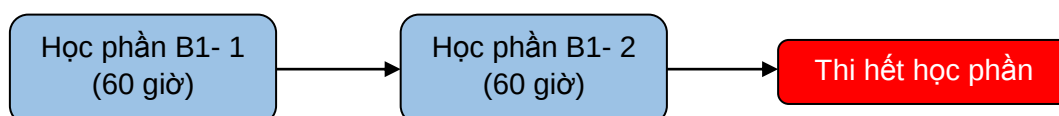
1.2 Lộ trình học

Lộ trình học các HP ngoại ngữ cùng thông tin về các học phần được thể hiện bằng các sơ đồ dưới đây:

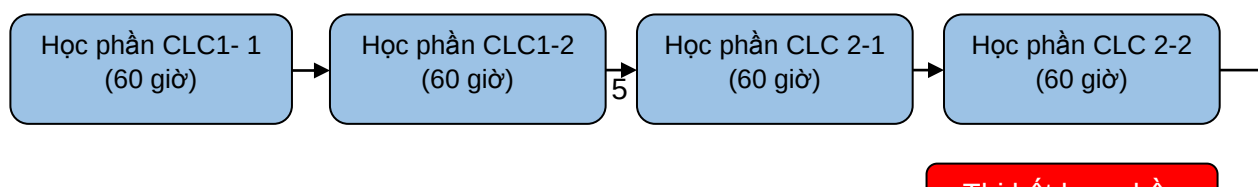




**Lộ trình học các ngoại ngữ ngoài tiếng Anh
Cho sv CTĐT Chuẩn từ khóa QH.2019**



**Lộ trình học các ngoại ngữ ngoài tiếng Anh
Cho sv CTĐT CLC từ khóa QH.2019**



2. Bài thi sát hạch đầu khóa học và thông tin về học phần

2.1 Bài thi sát hạch

Trường ĐHNN tổ chức kì thi sát hạch đầu vào dành cho sinh viên chọn ngoại ngữ 2 là tiếng Anh vào đầu mỗi năm học. Sinh viên cần theo dõi thông báo của Nhà trường về việc tổ chức thi để đăng kí theo thời gian được chỉ định.

Kết quả bài thi sát hạch chia người học thành 9 trình độ khác nhau, cụ thể như sau:

Trình độ	A0	A1	A2-	A2	A2+	B1-	B1	B1+	B2-	B2
Mức điểm	0-1	1.2-2	2.1-3	3.1-4	4.1-5	5.1-6	6.1-7	7.1-8	8.1-9	9.1-10

Căn cứ kết quả thi, sinh viên đăng kí các LHP phù hợp với mức điểm mà mình đạt được. Việc đăng kí sai LHP có thể sẽ bị xem xét kỉ luật tùy mức độ vi phạm

Xem định dạng bài thi sát hạch ở phụ lục 1 của hướng dẫn. Các sinh viên khoa SPTA không phải thi bài thi sát hạch đầu khóa học.

2.2 Thông tin về các học phần trong CTĐT

2.2.1 Các học phần trong CTĐT Chuẩn

Các học phần Ngoại ngữ 2 CTĐT chuẩn các ngành Ngôn ngữ nước ngoài và Sư phạm ngoại ngữ gồm: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Thái, tiếng Lào. Yêu cầu CDR bậc 3 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CTĐT chuẩn xây dựng 01 học phần Ngoại ngữ 2 có tên gọi là Ngoại ngữ B1 gồm 5 tín chỉ, thời gian dạy trên lớp là 120 giờ chia 02 học kỳ, mỗi học kỳ học 60 giờ, mỗi tuần học 4 giờ.

Đối với học phần Ngoại ngữ 2 là tiếng Anh (Tiếng Anh B1), sinh viên tham gia bài thi sát hạch đầu khóa học, đạt năng lực B1- thì mới đủ điều kiện đăng ký học Tiếng Anh B1. Đối với các học phần Ngoại ngữ 2 ngoài tiếng Anh, sinh viên không cần tham gia bài thi sát hạch đầu vào.

Các học phần ngoại ngữ 2 tiếng Anh							
Học phần	Mức điểm sát hạch	Số tín chỉ	Mã học phần	Số giờ trên lớp	Thời gian học	Yêu cầu CDR/MH	Hình thức kiểm tra đánh giá
Tiếng Anh B1 (Bắt buộc)	Đạt B1-	5	FLF1107B	120 4 tiết/ tuần	2 học kỳ	Bậc 3	Bài thi kết thúc học phần là bài thi 2 trong 1, xác định điểm môn học và CDR. Điểm môn học là điểm trung bình cộng của 2 học kỳ, cụ thể như sau: Điểm MH = (Điểm MH HK 1 + Điểm MH HK 2)/2 Trong đó: Điểm môn học HKI = Tiến độ 1 x 20% + tiến độ 2 x 20% + Bài thi giữa kì 60%. Điểm Môn học HKII = Tiến độ 1 x 20% + tiến độ 2 x 20% + Bài thi cuối kì 60% Sinh viên có kết quả thi >=4: Đạt điểm môn học. Bài thi CDR được xây dựng theo định dạng Vstep 3. Sinh viên không đạt điểm môn học phải học lại.
Các học phần ngoại ngữ 2 ngoài tiếng Anh							
Học phần	Mức điểm sát hạch	Số tín chỉ	Mã học phần	Số giờ trên lớp	Thời gian học	Yêu cầu CDR/MH	Hình thức kiểm tra đánh giá

Ngoại ngữ B1 (Bắt buộc)	Không thi sát hạch	5	Theo CTĐT	120 4 tiết/ tuần	2 học kì	Bậc 3	Điểm môn học được tính như cách tính HP Tiếng Anh B1.
-------------------------	--------------------	---	-----------	------------------	----------	-------	---

2.2.2 Thông tin về học phần ngoại ngữ 2 cho CTĐT CLC theo TT23

Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Ngôn ngữ Anh xây dựng các học phần Ngoại ngữ 2 gồm: tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Thái, tiếng Lào. Yêu cầu CĐR bậc 4 theo Khung Năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Chương trình đào tạo chất lượng cao các ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Đức xây dựng học phần Ngoại ngữ 2 là Tiếng Anh. Yêu cầu CĐR bậc 5 theo Khung Năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Chương trình đào tạo chất lượng cao xây dựng 02 học phần Ngoại ngữ 2 có tên gọi là Ngoại ngữ chất lượng cao 1 và Ngoại ngữ chất lượng cao 2. Mỗi học phần 5 tín chỉ, thời gian dạy trên lớp mỗi học phần là 120 giờ. Học phần Tiếng Anh CLC 1 và Tiếng Anh CLC 2 được tổ chức giảng dạy trong 02 học kỳ, mỗi học kỳ 120 giờ, mỗi tuần học 8 tiết. Học phần Ngoại ngữ 2 ngoài Tiếng Anh được tổ chức giảng dạy trong 04 học kỳ, mỗi học kỳ 60 giờ, mỗi tuần học 4 tiết.

Đối với học phần Ngoại ngữ 2 là Tiếng Anh (Tiếng Anh CLC 1 và Tiếng Anh CLC 2), sinh viên tham gia bài thi sát hạch đầu khóa học, đạt năng lực tương đương B1 thì đủ điều kiện đăng ký học Tiếng Anh CLC 1, đạt năng lực tương đương B2 thì đủ điều kiện đăng ký học Tiếng Anh CLC 2. Đối với các học phần Ngoại ngữ 2 ngoài tiếng Anh, sinh viên không cần tham gia bài thi sát hạch đầu vào.

Kiểm tra đánh giá kết quả học phần

Mỗi học phần Ngoại ngữ CLC 1 và Ngoại ngữ CLC 2 được tổ chức giảng dạy trong 2 học kỳ nên mỗi học kỳ vẫn tổ chức đánh giá trong quá trình và thi hết học kỳ theo quy định. Điểm học phần là trung bình cộng của điểm học phần mỗi học kỳ. Người học đạt từ 4 điểm học phần trở lên được coi là hoàn thành học phần.

Các khoa đào tạo quy định cụ thể về hình thức kiểm tra đánh giá và tỉ trọng điểm, thể hiện trong đề cương học phần và thông báo cho người học.

Bài thi xác định chuẩn đầu ra

Bài thi kết thúc học phần Ngoại ngữ CLC 2 (ở học kỳ thứ 2 đối với Tiếng Anh CLC 2 và ở học kỳ thứ 4 đối với các Ngoại ngữ khác) là bài thi xác định kết quả học phần.

Đối với Tiếng Anh, bài thi xác định CĐR được xây dựng theo định dạng VSTEP 3-5, gồm 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Mức điểm đạt CĐR được quy định cụ thể trong đề cương học phần và do các đơn vị ngoài tổ chức độc lập với bài thi hết học phần.

Đối với các Ngoại ngữ 2 ngoài Tiếng Anh, bài thi kết thúc học phần gồm 3 kỹ năng Nghe, Đọc, Viết. Kỹ năng Nói được đánh giá vào tuần 12 của học kỳ. Sinh viên đăng kí các bài thi xác định năng lực tiếng theo lịch của các tổ chức bên ngoài và phải theo dõi các thông tin của bài thi do tổ chức đó ban hành.

Thông tin chi tiết về các học phần Ngoại ngữ 2 CLC như sau:

Các học phần ngoại ngữ 2 tiếng Anh: Căn cứ điểm sát hạch đầu khóa học, sinh viên được xếp lớp phù hợp với trình độ.							
Học phần	Mức điểm sát hạch	Số tín chỉ	Mã học phần	Số giờ trên lớp	Thời gian học	Yêu cầu CĐR/MH	Hình thức kiểm tra đánh giá
Tiếng Anh CLC 1 (Bắt buộc)	Đạt B1	5	FLF110 7***	120 8 tiết/ tuần	2 học kì	Đạt MH	Điểm môn học được tính như cách tính đối với HP Tiếng Anh B1.

Tiếng Anh CLC 2 (Bắt buộc)	Đạt B2	5	FLF110 8***	120 8 tiết/ tuần	2 học kì	Bậc 5	Bài thi kết thúc học phần là bài thi xác định điểm môn học. Điểm môn học được tính như cách tính đối với HP Tiếng Anh B1. CĐR là bài thi định hướng định dạng Vstep 3-5. Sinh viên không đạt điểm môn học phải học lại.
Các học phần ngoại ngữ 2 ngoài tiếng Anh							
Học phần	Mức điểm sát hạch	Số tín chỉ	Mã học phần	Số giờ trên lớp	Thời gian học	Yêu cầu CĐR/HP	Hình thức kiểm tra đánh giá
NN2 CLC 1 (Bắt buộc)	Không thi sát hạch	5	Theo CTĐT	120 4 tiết/ tuần	2 học kì	Đạt MH	Điểm môn học được tính như cách tính đối với HP Tiếng Anh B1. Không yêu cầu về CĐR
NN2 CLC 2 (Bắt buộc)	Không thi sát hạch	5	Theo CTĐT	120 4 tiết/ tuần	2 học kì	Bậc 4	Bài thi kết thúc học phần là bài thi xác định điểm môn học. Điểm môn học được tính như cách tính HP Tiếng Anh B1 Chuẩn đầu ra là bài thi nhằm xác định năng lực bậc 4 cho sinh viên.

2.3 Thông tin về các học phần ngoài CTĐT

2.3.1 Thông tin về chương trình tiếng Anh tăng cường (Dành cho sinh viên CTĐT Chuẩn và CLC TT23))

Bên cạnh học phần Tiếng Anh B1 trong CTĐT, Nhà trường xây dựng các chương trình Tiếng Anh tăng cường dành cho đối tượng người học chưa đạt yêu cầu năng lực để học Tiếng Anh B1. Thông tin cụ thể như sau:

Học phần	Mức điểm sát hạch	Số giờ trên lớp	Thời gian học	Hình thức kiểm tra đánh giá
Tiếng Anh tăng cường 1 (Khuyến khích tham gia)	Từ A0 đến A1	90 6 tiết/ tuần	1 học kì	Bài thi kiểm tra tiến độ.
Tiếng Anh tăng cường 2 (Khuyến khích tham gia)	Từ A2- đến A2+	90 6 tiết/ tuần	1 học kì	Thi bài thi hết học phần (có nội dung và tính chất như bài thi sát hạch đầu vào). Sinh viên có kết quả Đạt được phép đăng kí học phần Tiếng Anh B1.

Hàng năm, căn cứ nhu cầu của người học, nhà Trường mở các lớp tiếng Anh tăng cường để bổ sung, bồi dưỡng kiến thức cho các sinh viên chưa đạt năng lực vào học các học phần chính khóa. Các khóa học này không bắt buộc, và người học cần trả phí để tham gia các lớp học ngoài chương trình đào tạo này. Kết thúc khóa học, sinh viên có kết quả đạt được phép đăng kí học phần tiếng Anh B1. Trong trường hợp không tham gia chương trình tiếng Anh tăng cường, sinh viên cần nộp chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 2 để được phép đăng kí học phần B1 trong CTĐT.

2.3.2 Chương trình tiếng Anh bổ trợ (chỉ dành cho sinh viên CLC)

Nhằm hỗ trợ sinh viên các CTĐT CLC TT23 theo học Ngoại ngữ 2 là Tiếng Anh, Nhà trường xây dựng các chương trình tiếng Anh bổ trợ, cụ thể như sau:

Chương trình tiếng Anh bổ trợ 1 (English booster): Dành cho những sinh viên chưa đạt năng lực tiếng Anh B1. Thời lượng 120 giờ, tổ chức giảng dạy trong 01 học kỳ, mỗi tuần học 8 tiết.

Chương trình tiếng Anh bổ trợ 2 (English finisher): Dành cho những sinh viên đã học Tiếng Anh CLC 2 nhưng chưa đạt CĐR bậc 5. Thời lượng 120 giờ, tổ chức giảng dạy trong 01 học kỳ, mỗi tuần học 8 tiết.

Thông tin chi tiết về các chương trình tiếng Anh bổ trợ cho sinh viên CLC như sau:

Các học phần ngoại ngữ 2 tiếng Anh: Căn cứ điểm sát hạch, sinh viên được xếp lớp phù hợp với trình độ.							
Học phần	Mức điểm sát hạch	Số tín chỉ	Mã học phần	Số giờ trên lớp	Thời gian học	Yêu cầu CĐR/MH	Hình thức kiểm tra đánh giá
Tiếng Anh Bổ trợ 1 (Bắt buộc đăng kí)	Không đạt B1	5	FLF1105*	120	2 học kì	Đạt MH	Thi hết học phần. Điểm môn học được tính như cách tính HP tiếng Anh B1.

							Sinh viên có kết quả Đạt đủ điều kiện để học tiếng Anh CLC 1
Tiếng Anh Bổ trợ 2 (Bắt buộc đăng kí)	Không đạt Tiếng Anh CLC2	5		120	2 học kì	Đạt MH	Dành cho sinh viên không đạt điểm MH

3. Các trường hợp được miễn học và hoàn trả học phí các học phần được miễn.

3.1 Các trường hợp được miễn học NN2

Hàng năm, Nhà trường tiến hành thu các chứng chỉ ngoại ngữ để miễn học cho sinh viên vào 04 đợt. Các chứng chỉ cần đảm bảo 02 điều kiện sau:

- + Còn thời hạn sử dụng (theo thời gian ghi trên chứng chỉ).
- + Đáp ứng yêu cầu CĐR của CTĐT tương ứng.

Thông thường, lịch nộp chứng chỉ sẽ diễn ra trước các đợt xét tốt nghiệp 01 tháng. Với sinh viên mới nhập trường, nếu đã có các chứng chỉ ngoại ngữ phù hợp, cần nộp về Văn phòng Khoa trước kì thi sát hạch để được miễn thi. Việc miễn học chứng chỉ vẫn thực hiện theo quy trình ở mục 4 của HD này. Từ khóa QH.2017, những sinh viên nộp chứng chỉ ngoại ngữ để miễn học từ đầu khóa học mới đủ điều kiện để hoàn trả học phí các HP được miễn (căn cứ theo quy định thu học phí của Phòng Kế hoạch Tài chính ban hành)

- Sinh viên được miễn học các học phần ngoại ngữ nếu thuộc một trong những đối tượng sau:

+ Đã tham gia kì thi đánh giá năng lực ngoại ngữ do 06 đơn vị được phép cấp chứng chỉ ngoại ngữ do Bộ GD-ĐT quy định đạt yêu cầu về CĐR trình độ ngoại ngữ (xem mục)

- Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN (ULIS)
- Đại học Hà Nội (HANU)
- Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế (HUCFFL)
- Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng (UFLS)
- Đại học Sư phạm kĩ thuật Thành phố Hồ chí Minh (HCMUTE)
- Đại học Cần Thơ (CTU)

Lịch thi

- Xem thông tin về bài thi Vstep tại Vstep.vn
- Xem thông tin về các bài thi IELTS tại: britishcouncil.vn
- Xem thông tin về các bài thi TOEIC, TOFFLE tại: iigvietnam.com
- Xem thông tin về bài thi HSK tại: chinesetest.cn
- Xem thông tin về bài thi JLPT tại: jpf.org.vn
- Xem thông tin về bài thi TOPIK tại topikhanoi.com
- Xem thông tin về bài thi DELF tại delfdalf.fr

Lưu ý: Việc hậu kiểm các chứng chỉ ngoại ngữ do các đơn vị nói trên cấp có thể mất một khoảng thời gian nhất định. Trong trường hợp công văn trả lời về tính xác thực không kịp thời/ hoặc không trả lời đề nghị hậu kiểm, P. Đào tạo sẽ xem xét để chuyển việc công nhận chứng chỉ cho sinh viên sang đợt sau.

+ Có các chứng chỉ Quốc tế đạt kết quả tương ứng với yêu cầu về Chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định. Bảng tham chiếu quy đổi CCQT thông dụng như sau:

Áp dụng theo Cv 4116 ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc Gia Hà Nội

**TỪ 01/05/2021, BẢNG QUY ĐỔI NÀY SẼ CÓ HIỆU LỰC,
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI TẤT CẢ CÁC KHÓA HỌC**

Theo Công văn số 4116/ĐHQGHN-ĐT ngày 14 tháng 12 năm 2021

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	Aptis	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	460 ITP 42 iBT	Reading 275 Listening 275 Speaking 120 Writing 120	A2 Key: 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary: 140 B2 Business Vantage: 140	B1 (General)	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	543 ITP 72 iBT	Reading 385 Listening 400 Speaking 160 Writing 150	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary: 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	B2 (General)	VSTEP.3-5 (6.0)
Bậc 5	6.5	627 ITP 95 iBT	Reading 455 Listening 490 Speaking 180 Writing 180	B2 First: 180 C1 Advanced: 180 C2 Proficiency: 180 B2 Business Vantage: 180 C1 Business Higher: 180	C1 (Advanced)	VSTEP.3-5 (8.5)

Một số thứ tiếng khác (*)

1. Tiếng Nga

Khung năng lực ngoại ngữ VN	TPKI	Bài thi ĐGNLNN tiếng Nga bậc 3-5 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN	Bài thi ĐGNLNN tiếng Nga bậc 5 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN
Bậc 3	TPKI-1	B1	C1
Bậc 4	TPKI-2	B2	
Bậc 5	TPKI-3	C1	

2. Tiếng Pháp

Khung năng lực ngoại ngữ VN	DELTA-DALF	TCF	Bài thi ĐGNLNN tiếng Pháp bậc 3-5 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN	Bài thi ĐGNLNN tiếng Pháp bậc 5 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN
Bậc 3	DELTA B1	TCF B1	B1	C1
Bậc 4	DELTA B2	TCF B2	B2	
Bậc 5	DALF C1	TCF C1	C1	

3. Tiếng Trung

Khung năng lực ngoại ngữ VN	HSK	Bài thi ĐGNLNN tiếng Trung bậc 3-5 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN	Bài thi ĐGNLNN tiếng Trung bậc 5 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN
Bậc 3	HSK Bậc 3	B1	C1
Bậc 4	HSK Bậc 4	B2	
Bậc 5	HSK Bậc 5 và HSK K cao cấp	C1	

4. Tiếng Đức

Khung năng lực ngoại ngữ VN	Goethe-Zertifikat	TELC Deutsch	DSD	ÖSD - Zertifikat	TestDaF	ECL	Bài thi ĐGNLNN tiếng Đức bậc 5 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN
Bậc 3	B1	B1	I	B1	TDN3	B1	C1
Bậc 4	B2	B2	II (Viết/ nói: 8-11 điểm; Nghe/ đọc: 8-13 điểm)	B2	TDN4	B2	
Bậc 5	C1	C1	II (Viết/ nói: 12-24 điểm; Nghe/ đọc: 14-24 điểm)	C1	TDN5	C1	

5. Tiếng Nhật

Khung năng lực ngoại ngữ VN	JLPT	NAT-TEST	J-TEST	Bài thi ĐGNLNN tiếng Nhật bậc 5 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN
Bậc 3	N3	3Q	500	C1
Bậc 4	N2	2Q	600	
Bậc 5	N1	1Q	700	

6. Tiếng Hàn

Khung năng lực ngoại ngữ VN	TOPIK	Bài thi ĐGNLNN tiếng Hàn bậc 5 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN
Bậc 3	II (bậc 3)	C1
Bậc 4	II (bậc 4)	
Bậc 5	II (bậc 5)	

3.2 Việc hoàn trả học phí NN2

Việc hoàn trả học phí các học phần ngoại ngữ 2 do phòng Đào tạo phối hợp với phòng Kế hoạch Tài chính thực hiện, được tiến hành vào đợt xét tốt nghiệp cuối cùng của khóa học (04 năm). Sinh viên cần làm theo hướng dẫn trong thông báo của nhà Trường (thường được ban hành vào đầu tháng 3) để được hoàn trả học phí. Những sinh viên không khai báo theo hướng dẫn của Nhà trường, Phòng Đào tạo và phòng KHTC từ chối hoàn trả học phí theo quy định. Việc hoàn trả áp dụng đến hết khóa sinh viên QH.2016.

Từ QH.2017, việc học đầy đủ các học phần ngoại ngữ theo lộ trình là bắt buộc. Những sinh viên nộp chứng chỉ ngoại ngữ để miễn học từ đầu khóa học mới đủ điều kiện để hoàn trả học phí các HP được miễn (căn cứ theo quy định thu học phí của Phòng Kế hoạch Tài chính ban hành). Sinh viên cần giải đáp các thắc mắc về mức thu học phí, liên hệ Phòng Kế hoạch – Tài chính, tầng 2 nhà A1 để được giải đáp.

4. Quy định về việc hậu kiểm các chứng chỉ ngoại ngữ

4.1 Lịch nộp chứng chỉ

Để phục vụ cho việc phủ điểm và xác định Chuẩn đầu ra các học phần NN2 hàng năm, Phòng Đào tạo thông báo về lịch nộp và quy trình nhận các chứng chỉ ngoại ngữ trong 04 đợt. Quy trình nộp chứng chỉ ngoại ngữ Vstep và các chứng chỉ còn lại không giống nhau. Sinh viên cần phân biệt rõ và nắm được quy trình để tránh phiền phức trong các thủ tục hành chính phát sinh.

Thông thường, Vào 10 ngày đầu các tháng 2,5,7,11 P. Đào tạo sẽ tiến hành thu các chứng chỉ để miễn học cho sinh viên. Sinh viên cần thực hiện theo hướng dẫn được ban hành định kì đầu mỗi năm để biết được lịch nộp chứng chỉ.

4.2 Quy trình:

Với các chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế: IELTS, TOEIC, TOPIK, JLPT, HSK (Sinh viên từ khóa QH.2016 *cần nộp thêm chứng chỉ HSK K*)

- Sinh viên nộp bản sao có công chứng (không cần bản dịch - mang theo bản chính để đối chiếu) cùng "đơn xin xác nhận trình độ ngoại ngữ" tại Phòng Đào tạo, P.107 nhà A1. Đơn tải từ địa chỉ: <http://daotao.ulis.vnu.edu.vn/category/nn-trong-dhgg/van-ban-bieu-mau-nn-trong-dhgg/>.
- Khai báo đầy đủ thông tin vào đơn online theo link goo.gl/9eqotU. Link chỉ mở để sinh viên khai báo khi đến hạn đăng kí.

Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận đơn, Phòng Đào tạo sẽ ra Quyết định miễn học và công nhận điểm cho sinh viên. Quyết định kèm danh sách sinh viên được miễn học phần ngoại ngữ được gửi về các Khoa đào tạo để phối hợp thực hiện và lưu trữ. Sinh viên đến Văn phòng khoa để biết kết quả hoặc có thể xem tại website: <http://daotao.ulis.vnu.edu.vn/category/nn-trong-dhgg/ket-qua-hoc-tap-nn-trong-dhgg/>.

Với các chứng chỉ Vstep:

- Sinh viên có chứng chỉ Vstep, đã đăng kí thi với tư cách là sinh viên của ĐHQGHN (kể cả sinh viên đăng kí dự thi với tư cách thí sinh tự do hay thí sinh trong VNU) tải "Đơn cập nhật điểm NN2" trên Portal sinh viên, nộp cho văn phòng khoa.
- Giáo vụ khoa kiểm tra, lập danh sách bản mềm, bản cứng có chữ kí BCN Khoa và chuyển cho Phòng Đào tạo vào cuối mỗi học kì (trước 30/05 và 30/12 hàng năm) hoặc trước mỗi đợt xét tốt nghiệp để tiến hành phủ điểm và cập nhật điểm ngoại ngữ 2 cho sinh viên. Lịch nộp Chứng chỉ Vstep do VPK thông báo.

5. Đăng kí lớp học phần ngoại ngữ 2 và việc học lại, học cải thiện điểm.

5.1 Đăng kí LHP

Đầu mỗi học kì, Nhà Trường ban hành thông báo về việc mở các LHP dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh và tình hình thực tế. Sinh viên tiến hành đăng kí LHP phù hợp với nhu cầu và lịch học của mình. Việc mở Portal để đăng kí thông thường diễn ra trong 03 đợt, bao gồm 2 đợt điều chỉnh và 01 đợt chính thức cuối cùng. Sinh viên có trách nhiệm đọc kĩ các thông báo, yêu cầu của Nhà trường để tránh nhầm lẫn trong việc đăng kí LMH. Sinh viên đăng kí sai đối tượng, không đúng theo kết quả bài thi sát hạch, hủy kết quả đăng kí LHP không đúng thời hạn trong thông báo sẽ bị xem xét kỉ luật tùy mức độ vi phạm. Thời khóa biểu

chính thức cũng sẽ được ban hành sau khi kết thúc các đợt đăng kí LHP. Sinh viên không được tự ý hủy/ thay đổi lớp học hoặc nghỉ học sau khi đã kết thúc đợt đăng kí cuối cùng.

5.2 Đăng kí học lại, học cải thiện điểm

Theo quy chế đào tạo, sinh viên có tích lũy điểm D hoặc D+ được phép đăng kí học cải thiện điểm. Sinh viên bị điểm F coi như chưa tích lũy học phần, và được phép đăng kí học và thuộc đối tượng đăng kí học lại. Từ khóa QH.2019, việc đăng kí học lại và học cải thiện điểm đều được thực hiện trên Portal. Sinh viên cần theo dõi thông báo về việc học lại, học cải thiện điểm được ban hành định kì và thực hiện theo hướng dẫn.

- Sinh viên chỉ được miễn và dừng học các học phần ngoại ngữ trong trường hợp đã có tên trong Quyết định miễn học được P. Đào tạo ban hành và hoàn thành học phần đã đăng kí.

- Trường hợp sinh viên tự ý bỏ học giữa chừng, nếu không hoàn thành học phần đang học dở, Phòng Đào tạo từ chối xét miễn học, miễn thi đối với các học phần chưa tích lũy và portal ghi nhận điểm bình thường.

5.3 Thi lại Chuẩn đầu ra NN2

- Nếu đã hoàn thành môn học (điểm môn học ≥ 4 điểm), chưa hoàn thành Chuẩn đầu ra (< 5 điểm), sinh viên cần thi lại. Sinh viên đăng kí thi tại Trung tâm Khảo thí của Trường hoặc các đơn vị được phép tổ chức thi theo quy định của Bộ GD và ĐT.

Trong trường hợp ngoại ngữ 2 đó không phổ biến (Tiếng Lào, Thái, TBN, Ý), sinh viên được phép đăng kí thi lại cùng sinh viên khóa mới vào cuối mỗi học kì. Đăng kí thi tại P. Đào tạo trước ngày thi chính thức 02 tuần.

- Nếu chưa hoàn thành môn học (điểm Môn học < 4), sinh viên cần đăng kí học lại. Quy trình tiến hành như mục 5.1

5.4 Đổi ngoại ngữ 2

Nhà Trường không khuyến khích sinh viên đổi ngoại ngữ 2 và khuyến cáo **sinh viên cân nhắc kĩ trước khi chọn NN2 muốn học**. Sinh viên chỉ được phép đổi ngoại ngữ 2 trong phạm vi 01 năm đầu tiên của khóa học. Trong trường hợp đổi ngoại ngữ 2, sinh viên cần thực hiện các bước sau:

- Viết đơn xin đổi NN2 (trong đó trình bày rõ lí do muốn đổi. Đơn viết tay, không có mẫu)

- Trong trường hợp đơn được chấp nhận (nộp tại P.107 nhà A1), đóng học phí học phần ngoại ngữ trước đó đã tích lũy tại P. Kế hoạch Tài chính.

- Đăng kí học lại trên Portal như bình thường và xuất trình đơn xin chuyển + biên lai thu lệ phí cho cán bộ P. Đào tạo phụ trách.

Lưu ý: Sinh viên cần nộp đơn xin chuyển trước khi mở cổng đăng kí LHP 05 ngày làm việc.

5.5 Mã học phần (Áp dụng từ học kì 1 năm học 2019 -2020)

STT	Tên học phần	Mã	Thời lượng giai đoạn 1	Thời lượng giai đoạn 2	Tổng số giờ
1	Tiếng Anh B1	FLF1107B	60	60	120
2	Tiếng Anh CLC1	FLF1107***	120		120
3	Tiếng Anh CLC2	FLF1108***	120		120
4	Tiếng Pháp B1	FLF1307B	60	60	120
5	Tiếng Pháp CLC1	FLF1307***	60	60	120
6	Tiếng Pháp CLC2	FLF1308***	60	60	120
7	Tiếng Trung B1	FLF1407B	60	60	120

8	Tiếng Trung CLC1	FLF1407***	60	60	120
9	Tiếng Trung CLC2	FLF1408***	60	60	120
10	Tiếng Đức B1	FLF1507B	120	60	120
11	Tiếng Đức CLC1	FLF1507***	60	60	120
12	Tiếng Đức CLC2	FLF1508***	60	60	120
13	Tiếng Nhật B1	FLF1607B	60	60	120
14	Tiếng Nhật CLC1	FLF1607***	60	60	120
15	Tiếng Nhật CLC2	FLF1608***	60	60	120
16	Tiếng Hàn B1	FLF1707B	60	60	120
17	Tiếng Hàn CLC1	FLF1707***	60	60	120
18	Tiếng Hàn CLC2	FLF1708***	60	60	120
19	Tiếng Thái B1	FLF1907B	60	60	120
20	Tiếng Thái CLC1	FLF1907***	60	60	120
21	Tiếng Thái CLC2	FLF1908***	60	60	120
28	Tiếng Lào B1	FLF2207B	60	60	120
29	Tiếng Lào CLC1	FLF2207***	60	60	120
30	Tiếng Lào CLC2	FLF2208***	60	60	120

6. Các địa chỉ cần biết:

- Phòng Đào tạo trường: P.107 nhà A1. Chuyên viên phụ trách NN2: Nguyễn Việt Hòa
viethoann47@gmail.com.
- Trung tâm Khảo thí trường: P.106 nhà A4.
(Để đăng kí thi chứng chỉ Vstep, IELTS)
- Văn phòng Khoa Tiếng Anh: Tầng 5 nhà B2.
- Văn phòng Khoa tiếng Pháp: Tầng 1 C3 Công trình khoa Pháp.
- Văn phòng Khoa tiếng Trung: Tầng 5 nhà B2
- Văn phòng Khoa tiếng Đức: Tầng 2 nhà A3
- Văn phòng Khoa tiếng Nhật: Tầng 2 nhà A4
- Văn Phòng Khoa tiếng Hàn: Tầng 2 nhà A3
- Văn phòng Bộ môn NNVH ĐNA: Tầng 3 nhà A1
- Văn phòng Ban chỉ đạo các CTĐT CLC TT23: Phòng 107 nhà A1
- Phòng Hợp tác Phát triển: Tầng 4 nhà A1
(Để đăng kí thi chứng chỉ HSK, HSK K)
- Văn phòng Trung tâm Hợp tác và Phát triển Việt Nhật: Phòng 304 nhà B2
(Để đăng kí thi chứng chỉ JLPT)